TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TR** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **121**/2024/QĐST-HNGĐ	*Trảng Bom, ngày 28 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 2 Điều 396, khoản 4 Điều 397, khoản 2 Điều 149, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 528/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 5 năm 2024, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Ấp Quảng Biên, xã Q, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Nguyễn Duy Linh, sinh năm 1979.

Nơi cư trú: Ấp Quảng Biên, xã Q, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh tự nguyện kết hôn với nhau, đã được Ủy ban nhân dân xã Quảng Tiến, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 67 ngày 20 tháng 7 năm 2004 nên căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 04/5/2005; cháu Nguyễn Thu A, sinh ngày 22/02/2010. Ly hôn bà Hương và ông Linh thống nhất giao cháu Nguyễn Thu A cho bà Hương nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Duy A đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Tạm thời ông Linh không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007144 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 20 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu A, sinh ngày 22/02/2010 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông Nguyễn Duy Linh không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Duy A, sinh ngày 04/6/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Duy Linh.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Duy Linh phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007144 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án

dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Tr;
- THA dân sự huyện Tr;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Tuyền